

Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật tóm lược (Quyển 07)

ISSN: 2734-9195 08:05 05/02/2026

Bộ Luận Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật được giảng giải bởi Hòa thượng Tuyên Hóa, Việt dịch Tỳ Kheo Thích Minh Định, gồm có 25 quyển. Bài viết này là những ý chính, cô đọng nhất của quyển 07.

1. Danh hiệu Phật

Mười phương ba đời tất cả chư Phật, mỗi vị Phật đều có một vạn danh hiệu. Nhưng vì sức trí nhớ của chúng sinh yếu kém, cho nên chư Phật từ bi mới quyết định từ một vạn danh hiệu mà giảm xuống còn một ngàn danh hiệu. Trải qua bao nhiêu kiếp thì trí nhớ của chúng sinh càng ngày càng giảm. Một ngàn danh hiệu cũng nhớ chẳng rõ ràng. Chư Phật lại thương xót chúng sinh mới giảm từ một ngàn danh hiệu xuống còn một trăm. Lại qua thời gian lâu dài, chúng sinh vẫn cảm thấy quá nhiều, về sau lại giảm xuống còn mười. Từ đó về sau, mỗi vị Phật đều có mười danh hiệu.

Những gì là mười?

1). Như Lai: Như là thừa, đạo như thật, Lai là lai thành chính giác, nghĩa là thừa đạo như thật, Lai thành Chính giác. Trong kinh Kim Cang có nói: ‘Như Lai giả. Vô sở tùng lai. Diệc vô sở khứ.’

Nghĩa là: “Bậc Như Lai, Chẳng từ đâu đến. Cũng chẳng đi về đâu.” Và nữa, Như là bốn thể của lý; Lai là danh tướng của sự. Nghĩa là lý sự chẳng hai. Về tông chỉ căn bản thì lý sự hòa hợp, lý sự vô ngại, đó là Như Lai.

2). Ứng Cúng: Phật xứng đáng thọ nhận trời người cúng dường, xứng đáng thọ nhận sự cung kính của người thế gian, cho nên gọi là Ứng Cúng.

3). Chính Biến Tri: Phật, chẳng có gì mà chẳng biết, vô sở bất tri, chẳng có gì mà không thấy, vô sở bất kiến. Lý của Phật nói pháp là chính quyết, trí tuệ quang minh khắp hết thấy, cho nên gọi là Chính Biến Tri.

4). Minh Hạnh Túc: Phật chẳng sinh đủ thứ tâm phiền não, đây là minh túc, nghĩa là thiên nhãn minh, biết tất cả pháp đời hiện tại; túc mạng minh biết tất cả pháp đời quá khứ; lậu tận minh biết tất cả đời vị lai. Phật tu lục độ vạn hạnh là hạnh túc. Cho nên hợp lại gọi là Minh Hạnh Túc.

5). Thiện Thệ Thế Gian Giải: Thiện Thệ tức là đi đến nơi chân thiện mỹ, tức cũng là bên kia Niết Bàn chẳng sinh chẳng diệt. Thế Gian Giải là Phật hoàn toàn thấu hiểu trí huệ của hữu tình và vô tình thế gian.

6). Vô Thượng Sĩ: Trí tuệ của Phật cao hơn hết, chẳng có gì sánh bằng. Phật đã tu chứng địa vị tột cùng chẳng còn địa vị gì có thể chứng nữa, cho nên gọi là Vô Thượng Sĩ.

7). Điều Ngự Trượng Phu: Phật dùng đức để hóa độ là điều, dùng uy để chế phục là ngự. Phật là đại trượng phu điều ngự chúng sinh ba cõi.

8). Thiên Nhân Sư: Phật là đại Đạo Sư của trời người. Sư là phép tắc mô phạm, nói năm thừa giáo lý, lợi ích chúng sinh, khai đạo chúng sinh.

9). Phật: Đây là nửa chữ Phạn, nói đầy đủ là Phật đà gia, cũng có thể nói là cũng chẳng lớn, cũng chẳng nhỏ. Do đó: *“Chẳng lớn chẳng nhỏ, Không đến không đi, Hạt bụi thế giới, Đài sen chiếu nhau.”* Phật cũng chẳng lớn, có thể: *“Nơi đầu sợi lông, Hiện cõi bảo vương. Ngồi trong hạt bụi, Chuyển bánh xe pháp.”* Có thể ở đầu một sợi lông, hiện ra một đại thế giới, đây là cảnh giới trong nhỏ hiện lớn. Phật cũng chẳng nhỏ, có thể ở trong một hạt bụi, dung nạp ba ngàn đại thiên thế giới. Đem mười phương thế giới vào trong một hạt bụi, đây là cảnh giới trong lớn hiện nhỏ. Phật có thể trong nhỏ hiện lớn, trong lớn hiện nhỏ, nhỏ lớn vô ngại, cho nên nói là không lớn không nhỏ. Phật đi về đâu? Phật chẳng có đi về đâu? Phật từ đâu đến? Phật cũng chẳng từ đâu đến. Tại sao chẳng đến chẳng đi? Vì pháp thân của Phật tận hư không, biến pháp giới, vô tại vô bất tại. Trong thế giới quang minh của chư Phật, nhiều như số hạt bụi. Quang minh của Phật này chiếu soi thế giới kia, quang minh của Phật kia chiếu soi thế giới này, phóng quang với nhau, chiếu khắp pháp giới, cho nên gọi là đài sen chiếu nhau. Cũng có thể nói là nhiều, cũng có thể nói là một, một nhiều không hai, một nhiều vô ngại, lớn nhỏ vô ngại, đó đây vô ngại, đủ thứ vô ngại. Đây là cảnh giới của Phật, có tác dụng không thể nghĩ bàn.

Phật có ba ý nghĩa

Phật dịch là giác: 1). Tự giác. 2). Giác tha. 3). Giác mãn.

Phàm phu thì chẳng giác. Hàng nhị thừa thì tự giác. Bồ tát thì giác tha. Phật là giác mãn. Tự giác: Bất cứ làm việc gì, đều hồi quang phản chiếu, cầu nơi chính

mình, có tinh thần phản tỉnh. Nói cách khác nghĩa là mình chẳng hồ đồ, chẳng hồ đồ tức là minh bạch thật sự. Minh bạch thật sự thì lợi ích chúng sinh. Giác tha: Nghĩa là có ích lợi cho mình, và có ích lợi cho kẻ khác. Đó là tư tưởng tự lợi lợi tha. Giác mãn: Trong quá khứ Phật đã từng làm nai chúa. Tuy làm nai chúa, nhưng cảm hóa được ông vua cải ác hướng thiện, phát bồ đề tâm. Khi Phật ở tại nhân địa, thì phát nguyện đời đời kiếp kiếp đều muốn lợi ích chúng sinh, tự giác viên mãn, đó là giác hạnh viên mãn. Do đó, có câu: *“Ba giác viên, vạn đức đầy”*, nên gọi là Phật.

10) Thế Tôn: Phật là bậc tôn kính của thế gian và xuất thế gian, xuất là ra khỏi ba cõi. Phật là người được chư Thiên và nhân loại tôn kính nhất. Chúng ta muốn học Phật, thì trước hết phải lợi ích chúng sinh, không thể chỉ có lợi ích chính mình. Hiện nay người thế gian điên điên đảo đảo. Trách nhiệm của chúng ta người tu đạo là phải khai đạo họ, lãnh đạo họ, giúp cho họ đi trên con đường chân chính, đừng rơi vào đường tà, đó là công việc tự giác giác tha. Tu nhiều rồi thì sẽ viên mãn. Do đó, có câu: *“Mài sắc thành kim. Công đáo tự nhiên thành.”*

Những gì ở các phần trước là sinh tín phần, dạy người minh bạch nhân quả. Bây giờ phẩm này nói về tu nhân kế quả sinh giải phần. Tại nhân địa tu hành nhất định sẽ đắc được quả vị viên mãn, tức cũng là trồng nhân gì thì được quả đó. Trồng nhân bồ đề thì sẽ kết quả Phật, cho nên gọi là tu nhân kế quả sinh giải phần.

2. Duyên khởi phẩm kinh

Lúc đó, Đức Thế Tôn ở nước Ma Kiệt Đà, trong A Lan Nhã, tịch tĩnh xứ, dưới cội bồ đề, trên tòa kim cang, ban đầu thành chính giác. Lúc Phật ở tại núi Tuyết, núi Hy Mã Lạp Sơn, tu khổ hạnh, thì mỗi ngày chỉ ăn một hạt mè. Năm anh em Kiều Trần Như cùng tu với Ngài, trong đó có ba người cho rằng sự tu khổ hạnh như thế chịu chẳng được, bèn bỏ đi đến vườn Lộc Uyển tu đạo. Phật tu khổ hạnh sáu năm ở tại núi Tuyết, nhưng vẫn không khai ngộ. Bèn bỏ lối tu khổ hạnh, đến sông Ni Liên Thiên tắm rửa những cấu bẩn tích tụ trên thân nhiều năm, lại tiếp nhận bát sữa bò của nữ thí chủ cúng dường, mới khôi phục lại sức lực. Lúc đó, hai người trong năm anh em Kiều Trần Như thấy Phật làm như vậy, cho rằng Phật sinh tâm thoái chuyển, Do đó, cũng bỏ Phật đi đến vườn Lộc Uyển để tu đạo. Phật một mình đến dưới cội bồ đề, trên tòa kim cang, ngồi kiết già phát thệ nguyện rằng: *“Nếu không thành Phật thì không rời khỏi chỗ này!”*

Ngồi như vậy đến ngày thứ bốn mươi chín. Vào ngày 8 tháng 12 thấy sao mai mọc mà ngộ đạo, mới thốt ra rằng: *“Lành thay, lành thay ! Tất cả chúng sinh đều có đủ trí tuệ đức tướng của Như Lai, nhưng vì vọng tưởng chấp trước nên*

không thể chứng đắc". Khai ngộ rồi, trong hai mươi mốt ngày nói xong bộ Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật.

Phật ở tại điện Phổ Quang Minh, ở hướng đông nam cây bồ đề, nước Ma Kiệt Đà khoảng ba dặm, eo sông Ni Liên Thiển. Truyền rằng Long Vương thấy Phật ban đầu thành chính giác, ngồi ở dưới cội bồ đề, cho nên vì Phật mà tạo cung điện đó, bèn dùng bảy báu tạo thành, khắp phóng quang minh, cho nên gọi là Điện Phổ Quang Minh. Ngồi trên tòa hoa sen tạng sư tử, mà vì các pháp thân Đại Sĩ diễn nói diệu pháp.

Nói lược 10 thứ công đức của Phật dưới đây:

1). Diệu ngộ đều viên mãn: Diệu là không thể nghĩ bàn, ngộ là giác ngộ. Tại sao nói diệu ngộ? Vì sự giác ngộ này siêu hơn đạo lý giác ngộ của một số người, là tối cao vô thượng, cho nên gọi là Vô thượng chính đẳng chính giác. Vì giác ngộ đến cực điểm, cho nên gọi là mãn. Tóm lại, chẳng còn gì có thể giác ngộ nữa, cho nên Phật còn gọi là Vô thượng sĩ, đã đạt được trình độ tự giác viên mãn, giác tha cũng viên mãn, giác hạnh cũng viên mãn, tức cũng là chẳng có gì mà không thấy, cho nên gọi là diệu ngộ đều mãn. Diệu ngộ có thể nói là diệu giác, cũng có thể nói là thiện giác, còn có thể nói là chính giác. Vì "diệu" ở trong phạm văn gọi là tô: Có ba ý nghĩa: Có thể dịch là diệu, cũng có thể dịch là thiện, còn có thể dịch là chính. Tóm lại, danh từ này nói về đức của Phật đầy đủ, trí tuệ viên mãn, phước tròn đầy. Đức tướng, trí tuệ và phước báu của Phật đều viên mãn, cho nên gọi là diệu giác viên mãn.

2). Hai hạnh đã vĩnh viễn đoạn tuyệt: Hai hạnh là phiền não hạnh và sở tri hạnh. Phiền não hạnh: Là phàm phu hiện tiền chỉ có phiền não. Bất cứ việc gì mà không như ý, thì lập tức nổi giận, nổi giận liền có phiền não. Phiền não từ đâu đến? Là từ trong sự ích kỷ lợi mình mà đến. Phàm việc gì đối với mình chẳng ích lợi thì nổi giận. Nếu có việc mà chướng ngại lợi ích của mình, hoặc tổn hại danh dự của mình, thì đều sinh phiền não. Nếu đối với tất cả mọi việc đều buông xả, chẳng chấp trước, tất cả đều tha thứ, khoan dung cho người, thì còn có phiền não gì? Cho nên phiền não nhẹ nhất cũng phải vĩnh viễn đoạn tuyệt, vì phiền não chướng ngại sự phát tâm bồ đề. Sở tri hạnh: Tức là sở tri chướng. Sở tri chướng, chướng sở tri. Vì có sở tri chướng, nên bị sở tri sở chướng. Tức là tự làm mình kém đi vì chấp vào cái sự hiểu biết nông cạn của mình.

3). Đạt được pháp vô tướng: Đạt là thông đạt. Thông đạt tức là minh bạch. Minh bạch cái gì? Minh bạch pháp vô tướng. Pháp vô tướng là gì? Tức là thanh tịnh bản nhiên, diệu chân như tính. Thanh tịnh bản nhiên tức là thanh tịnh, không cần tăng hoặc giảm, tức là không tăng không giảm. Pháp vô tướng là chẳng chấp trước tất cả tướng. Làm thế nào không chấp trước tất cả tướng? Làm thế

nào để hai hạnh vĩnh tuyền? Thì phải diệu ngộ đều mãn. Nếu diệu ngộ đều mãn, thì hai hạnh đều dứt hẳn, cũng đạt được pháp vô tướng. Đó đều có quan hệ với nhau.

4). Trụ ở Phật trụ: Phật trụ ở từ bi, tùy thời lợi ích cho chúng sinh. Phật lại thường ở Thánh trụ, thiên trụ, phạm trụ. Thánh trụ là gì? Thánh tức là bậc Thanh Văn, Duyên giác, Bồ Tát. Các Ngài trụ ở trong tất cả tam muội. Thiên trụ là gì? Người trời trụ ở trời lục dục. Có bố thí, trì giới, thiện tâm, ba việc tức là thiên trụ. Phạm trụ là gì? Trụ ở sắc giới, hoặc vô sắc giới. Có vô lượng tâm là phạm trụ. Phật trụ là gì? Tức là dùng bình đẳng đại bi, luôn luôn lợi ích cho tất cả chúng sinh, tức là Phật trụ.

5). Được Phật bình đẳng: Chúng được thanh tịnh bốn nhiên, diệu chân như tính, chúng được Vô thượng chính đẳng chính giác, đều là diệu hóa vô ngại, không thể nghĩ bàn, cho nên đắc được Phật bình đẳng.

6). Đến nơi chẳng có chướng ngại? Tức là chúng được cảnh giới vô chướng ngại. Làm thế nào đạt được cảnh giới đó? Phải tu hành, tu lục độ vạn hạnh, dùng giới định huệ để đối trị tham sân si. Nếu chẳng có tham sân si, thì chẳng có chướng ngại. Chúng ta từ vô thủy đến bây giờ, tại sao chẳng thành Phật? Vì chẳng tiêu diệt sạch tham sân si ba độc. Hằng ngày chúng ta nói siêng tu giới định tuệ, tiêu diệt tham sân si. Nhưng lại là tự mình lừa gạt mình, toàn lời suông: 'Hôm nay giải đãi một ngày, ngày mai nhất định siêng tu giới định tuệ'. Đến ngày mai lại thiếu ngủ, tinh thần chẳng đủ, lại hẹn ngày mai nữa, nhất định sẽ siêng tu giới định tuệ. Ngày mai, ngày mai, ngày mai! Một đời ngày mai đều trôi qua, kết quả chẳng siêng tu giới định tuệ. Bất cứ gì cũng đều tham, vĩnh viễn chẳng nhàm chán. Tham sắc đẹp, tham danh lợi, tham hưởng thụ. Tham nhưng không thỏa mãn thì sinh tâm sân, có tâm sân thì khởi oán hận. Tư tưởng nảy sinh ra rồi thì sinh tâm ngu si. Có tâm ngu si thì phạm giới sát sinh, trộm cắp, tà dâm. Như thế thì chẳng thể nào được giải thoát. Nếu siêng tu giới định tuệ, thì diệt được tham sân si. Như vậy thì chẳng có chấp trước, bền được giải thoát. Chẳng có chướng ngại mới là chân chính đắc được tự tại.

7). Không thể bị chuyển pháp: Tức là giáo nghĩa nói ở trong hết thủy kinh điển, ngoại đạo phá hoại chẳng được. Tóm lại, chẳng bị tà tri tà kiến ngoại đạo luận bậy làm giao động. Người có tín ngưỡng tôn giáo thì đều hướng thượng, nhưng phải tin giáo lý bằng trí tuệ có chân lý. Nhất định phải có trạch pháp nhãn, phải lựa chọn pháp để tu hành liễu sinh thoát tử, như thế mới không chịu khổ trong sáu nẻo luân hồi nữa. Nên nhớ, nên nhớ! Đừng bị cảnh giới lay chuyển, mà phải chuyển được cảnh giới.

8). Sở hành vô ngại: Tức là hết thấy hành vi, chẳng có chướng ngại, những việc làm, những điều mình thấy, bất cứ cảnh giới gì đến, đều không bị lay chuyển. Gặp cảnh giới nghịch thì phải chuyển cảnh giới. Gặp cảnh giới thuận cũng phải chuyển cảnh giới, như thế mới có thể quay lưng trần lao, mà hợp với giác ngộ. Bằng không, sẽ chuyển theo cảnh giới, cùng trôi chảy với ô hợp, thì quay lưng giác ngộ mà hợp với trần lao.

9). Lập bất tư nghi: Giáo lý của Phật nói đều bất khả tư nghi. Do đó, có câu: “Ngôn ngữ đạo đoạn, Tâm hành xứ diệt”. Nghĩa là: Lời lẽ đã dứt bật. Chỗ tâm niệm không còn nữa. Muốn dùng lời để nói cũng nói chẳng ra, muốn dùng tâm để niệm suy tư, cũng chẳng cách chi suy tư. Con đường lời nói đã đoạn rồi, nơi tâm muốn hành cũng chẳng còn nữa. Đó là bất khả tư nghi. Do đó, có câu: “Miệng muốn nói mà từ ngữ đã mất, Tâm muốn duyên mà tư lự chẳng còn nữa.” Miệng muốn nói mà nói chẳng nói ra lời, lời lẽ đã chẳng còn. Tâm muốn phan duyên mà niệm lự đã chết rồi. Đó tức là bất khả tư nghi.

10). Thấy khắp ba đời: Tức là thấy khắp cảnh giới đời quá khứ, đời hiện tại, đời vị lai, như ở trước mắt. Bất cứ sự tướng, hoặc lý luận, đều nhớ rất rõ ràng, tuyệt đối chẳng sai lầm. Thấy khắp là trên thấy vô thủy, dưới thấy vô chung. Vô thủy vô chung, không trong, không ngoài, chẳng lớn, chẳng nhỏ, chẳng đến, chẳng đi. Đó tức là cảnh giới thấy khắp.

Hết thấy tất cả nghiệp báo, tất cả nghiệp thiện nghiệp ác, thọ nhân quả thiện, nhân quả ác, có đủ thứ sự khác nhau. Trong tâm muốn làm nghiệp chướng đều có thứ lớp. Cái này trước, cái này sau, trước thọ quả báo, sau thọ quả báo. Tóm lại, trước làm nghiệp gì thì trước thọ quả báo đó. Sau làm nghiệp gì thì sau thọ quả báo đó. Như vậy mê đi mê lại, mê đến chẳng giải thoát được. Nếu như một ngày nọ, có chúng sinh gặp tất cả kinh điển, trong kinh bao hàm tất cả vô thượng diệu pháp, tức là tất cả văn nghĩa, Do đó, bèn đắc được pháp môn xuất thế. Ở trong thế giới này vượt ra khỏi thế giới, chẳng phải là khỏi thế giới này mới ra được thế giới. Tóm lại, ở trong thế gian này mà ra khỏi thế gian. Lục Tổ Huệ Năng có nói rằng: “Phật pháp ở tại thế gian. Chẳng là thế gian giác. Là đời cầu bồ đề. Ví như tìm sừng thỏ.”

Bạn muốn ra khỏi thế gian, bạn muốn thành Phật, thì phải giác ngộ ở trong pháp thế gian. Nếu giác ngộ rồi, thì sẽ ra khỏi được thế gian. Chẳng phải là khỏi pháp thế gian, để đi tìm cầu pháp xuất thế bên ngoài, là khỏi thế gian tìm bồ đề, thì giống như tìm sừng trên đầu con thỏ, như tìm lông trên lưng con rùa, cũng như vậy không thể nào được, vĩnh viễn tìm chẳng được. Cho nên pháp xuất thế bao quát ở trong pháp thế gian, bồ đề bao quát ở trong phiền não, không là khỏi phiền não mà đi tìm bồ đề bên ngoài. Nếu là khỏi phiền não,

cũng chẳng có bồ đề. Do đó: *“Phiền não tức bồ đề.”*

Dùng được tức là bồ đề, chẳng dùng được tức là phiền não. Bồ đề là nước, phiền não là băng. Song, nước chẳng phải băng, băng chẳng phải nước. Nước đông lại kết thành băng, băng tan ra thành nước; băng nước một thể, mà tác dụng khác nhau. Phiền não và bồ đề cũng cùng một đạo lý đó. Băng là do nước thành băng, nước là băng tan mà thành nước. Nếu chúng sinh giác ngộ tức là Phật. Nếu mê hoặc tức là chúng sinh. Do đó, có câu: *“Tuy tên gọi của chúng sinh và Phật khác nhau, nhưng tự tính giống nhau. Bốn lai là một, đều có tính Phật. Pháp hữu vi thì có hình có tướng, có sở tác. Pháp vô vi là pháp chẳng có hình, chẳng có tướng, vô sở tác”*. Song, hữu vi hữu tận, vô vi vô tận. Những vị đại Bồ Tát đó, đắc được đại trí tuệ, quá khứ tất cả Phật pháp cũng biết, hiện tại tất cả Phật pháp cũng biết, vị lai tất cả Phật pháp cũng biết. Có người nghe được câu: *“Phật tức là chúng sinh, chúng sinh tức là Phật”*, rồi thì họ cảm thấy rất cao hứng, nói: *“Tôi tức là Phật! Bèn đi kêu mọi người gọi họ là Phật, đừng gọi tên của họ. Tin này loan ra rồi, có người gọi họ là Phật, cũng có người chẳng gọi họ là Phật. Họ bèn nổi giận hỏi rằng: Tại sao ông không gọi tôi là Phật? Người đó nói: Ông không hiểu nghĩa lý câu dạy trên, chẳng đủ tư cách làm Phật, cho nên tôi không gọi ông là Phật. Đối với tất cả chúng sinh đều có tâm từ bi, đừng có nóng giận. Ông muốn làm Phật thì trước hết đừng có nóng giận, đừng có phiền não. Bây giờ ông còn nóng giận, còn phiền não, cho nên ông vẫn là chúng sinh.”* Từ đó về sau, ông ta nhận chân tu hành, tuyệt đối chẳng nóng giận nữa, quả nhiên chứng được Phật vị. Phật là bậc Thánh nhân có đạo đức chân chính, chẳng có tâm ích kỷ, tâm cầu danh lợi, chẳng có tâm chấp trước. Tuy nhiên nói chúng sinh là Phật, nhưng phải đoạn tuyệt chấp trước mới có thể thành Phật. Cho nên mới nói: Tất cả chúng sinh, đều có Phật tính. Đều có thể thành Phật. Nhưng vì vọng tưởng chấp trước, Nên không thể chứng đắc.

Chúng ta nên nhớ đừng hiểu lầm chúng sinh là Phật. Phật thì từng bước, từng bước, tu hành mà thành. Nếu chẳng tu hành, thì dù đến lúc nào cũng vẫn là chúng sinh. Nếu tu hành trở về cội nguồn, thì sẽ chân chính khai ngộ chứng quả, liễu sinh thoát tử. Đến được trình độ “ba giác tròn, vạn đức đầy”, thì mới là Phật thiết. Chúng sinh tức là nước đông lại thành băng, Phật tức là băng tan thành nước. Bốn lai nước băng là một thể tính, nhưng hình tướng khác nhau, một là thể lỏng, một là thể cứng, đây là nói ví dụ. Người chẳng tu hành mà nói mình là Phật, thì không thể được.



Ảnh minh họa thiết kế bởi AI - Tạp chí Nghiên cứu Phật học

3. Thập đại của Bồ tát

10 thứ đại trụ: 1). Phát tâm trụ. 2). Trị địa trụ. 3). Tu hành trụ. 4). Sinh quý trụ. 5). Tàm quý trụ. 6). Chính tâm trụ. 7). Bất thoái trụ. 8). Đồng chân trụ. 9). Pháp vương trụ. 10). Quán đảnh trụ.

10 thứ hạnh tu: 1). Hoan hỉ hạnh. 2). Nhiều ích hạnh. 3). Vô sân hạnh. 4). Vô tận hạnh. 5). Ly si loạn hạnh. 6). Thiện hiện hạnh. 7). Vô trước hạnh. 8). Tôn trọng hạnh. 9). Thiện pháp hạnh. 10). Chân thật hạnh.

10 thứ hồi hướng: 1). Bất hoại hồi hướng. 2). Cứu hộ chúng sinh lìa tướng chúng sinh hồi hướng. 3). Đồng tất cả Phật hồi hướng. 4). Đến nhất thiết xứ hồi hướng. 5). Vô tận công đức tạng hồi hướng. 6). Tùy thuận bình đẳng thiện căn hồi hướng. 7). Tùy thuận đồng quán tất cả chúng sinh hồi hướng. 8). Chân như tướng hồi hướng. 9). Vô phược giải thoát hồi hướng. 10). Pháp giới vô lượng hồi hướng.

10 thứ tạng: 1). Tín tạng. 2). Giới tạng. 3). Tàm tạng. 4). Quý tạng. 5). Văn tạng. 6). Phí tạng. 7). Tuệ tạng. 8). Niệm tạng. 9). Trì tạng. 10). Biện tạng.

10 thứ địa Bồ tát đặc: 1). Hoan hỉ địa. 2). Ly cấu địa. 3). Phát quang địa. 4). Diệm huệ địa. 5). Nan thắng địa. 6). Hiện tiền địa. 7). Viễn hành địa. 8). Bất động địa. 9). Thiện huệ địa. 10). Pháp vân địa.

10 thứ nguyện Bồ tát phát: 1). Lễ kính chư Phật. 2). Xưng tán Như Lai. 3). Quảng tu cúng dường. 4). Sám hối nghiệp chướng. 5). Tùy hỷ công đức. 6). Thỉnh chuyển pháp luân. 7). Thỉnh Phật trụ thế. 8). Thường tùy Phật học. 9). Hằng thuận chúng sinh. 10). Phổ giai hồi hướng.

10 thứ định Bồ tát tu: 1). Phổ quang định. 2). Diệu quang định. 3). Thứ lớp biến trụ các cõi Phật thần thông định. 4). Thanh tịnh thâm tâm hạnh định. 5). Biết quá khứ trang nghiêm tạng định. 6). Trí quang minh tạng định. 7). Biết rõ tất cả thế giới Phật trang nghiêm định. 8). Tất cả chúng sinh sai biệt thân định. 9). Pháp giới tự tại định. 10). Vô ngại luân định.

10 thứ thần thông Bồ tát đắc: 1). Khéo biết tha tâm trí thông. 2). Vô ngại thanh tịnh thiên nhãn trí thông. 3). Biết kiếp quá khứ túc trụ trí thông. 4). Biết kiếp thuở vị lai trí thông. 5). Vô ngại thanh tịnh thiên nhãn trí thông. 6). Trụ vô thể tính vô động tác tất cả cõi Phật trí thông. 7). Khéo phân biệt tất cả lời lẽ trí thông. 8). Vô lượng sắc thân trang nghiêm trí thông. 9). Tất cả pháp trí thông. 10). Vào tất cả pháp diệt tận tam muội trí thông.

Tất cả Bồ Tát tu mười thứ “quả vị” vô thượng; đẳng giác nhân vị cùng cực, thường gọi là “đảnh”.

Phật có năm nhãn. 1) Nhục nhãn. 2). Thiên nhãn. 3). Tuệ nhãn. 4). Pháp Nhãn. 5). Phật nhãn.

Phật có Sáu thông: 1). Thiên nhãn thông. 2). Thiên nhĩ thông. 3). Tha tâm thông. 4). Túc mạng thông. 5). Thần túc thông. 6). Lậu tận thông

Phật vì muốn khiến cho tất cả chúng sinh lìa khổ được vui, chấm dứt sinh tử, bỏ mê về giác, tìm về nguồn cội, cho nên mới hiện thần thông. Chúng ta tu đạo tức là tu tâm. Khi tâm sinh thì đủ thứ pháp sinh. Khi tâm diệt thì đủ thứ pháp diệt. Nếu một pháp không sinh, thì hợp với pháp giới mà làm một. Tại sao chúng ta chẳng hợp với pháp giới mà làm một? Vì chúng ta có tâm phân biệt, còn ý niệm. Tại sao chúng ta chẳng có trí tuệ? Vì sáu căn của chúng ta bị sáu trần chuyển lay. Nếu sáu căn không bị cảnh giới sáu trần chuyển lay, mà chuyển được sáu trần thì có biện pháp. Lúc đó, sáu căn không động, thường ở trong định thì trí tuệ sớm sẽ hiện tiền.

Giống như Phật Thích Ca Mâu Ni, thuở xưa làm Bồ Tát, hành Bồ Tát đạo, thì dùng đủ thứ đàm luận, đủ thứ lời nói, đủ thứ âm thanh, đủ thứ nghiệp, đủ thứ báo, đủ thứ nơi chốn, đủ thứ phương tiện, đủ thứ căn, đủ thứ tin hiểu, đủ thứ địa vị, đều nói diệu pháp, giáo hóa chúng sinh. Vì làm việc lợi ích cho chúng sinh, cho nên hiện tại đã thành Phật rồi, cũng hy vọng chúng sinh thành Phật, khiến

cho chúng sinh đắc được trí tuệ như thế, tri kiến như thế, cho nên Phật vì chúng sinh mà nói diệu pháp. Phật vì chúng sinh nói pháp, nhưng chúng sinh phải chân thật tu hành, thì mới đắc được lợi ích.

4. Phẩm Bốn thánh đế

Bốn Thánh Đế là gì?

Tức là khổ, tập, diệt, đạo. Nếu y theo bốn Thánh đế mà tu hành, thì sẽ chứng quả nhập vào dòng Thánh. Đế nghĩa là khảo sát chân lý. Phẩm này là phẩm thứ tám trong Kinh Hoa Nghiêm, cho nên gọi là Phẩm Bốn Thánh Đế Thứ Tám. Sau khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ngồi trên tòa kim cang, dưới cội bồ đề thành Phật rồi, thì ứng pháp thân Đại Sĩ thỉnh cầu Ngài diễn nói Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật. Đức Phật ở trong hai mươi một ngày, diễn nói kinh này rồi, mới đến vườn Lộc Uyển, vì năm anh em Kiều Trần Như mà ba lần chuyển pháp luân: thị chuyển, khuyến chuyển, chứng chuyển. Người thượng căn thì thị chuyển liền ứng ngộ. Người trung căn thì khuyến chuyển bèn ngộ đạo. Người hạ căn thì chứng chuyển mới khai ngộ. Tôn giả Kiều Trần Như khai ngộ trước nhất, sau đó bốn vị kia cũng khai ngộ. Phật nói với năm vị Tỳ Kheo rằng:

"Đây là khổ, tính bức bách. Đây là tập, tính chiêu cảm. Đây là đạo, tính khả tu. Đây là diệt, tính khả chứng."

Đây là thị chuyển pháp luân. Lại nói: *"Đây là khổ, ông nên biết. Đây là tập, ông nên đoạn. Đây là đạo, ông nên tu. Đây là diệt, ông nên chứng."* Đây là khuyến chuyển pháp luân. Lại nói: *"Đây là khổ, ta đã biết. Đây là tập, ta đã đoạn. Đây là đạo, ta đã tu. Đây là diệt, ta đã chứng."* Đây là chứng chuyển pháp luân.

Do đó: Biết khổ, dứt tập, mộ diệt, tu đạo. Nghĩa là: Phải biết khổ, phải đoạn trừ tập, phải hâm mộ cảnh giới tịch tĩnh, phải tu hành con đường của bậc Thánh nhân. Đây là ý nghĩa đại khái về bốn Thánh Đế.

1. Khổ Thánh Đế: Chúng ta ở thế giới Ta Bà có rất nhiều sự khổ. Người ở thế giới Ta Bà này, một niệm vô minh liền mê hoặc, Do đó, mà đời đời kiếp kiếp luân chuyển trong ba cõi, luân hồi trong sáu nẻo, chuyển đi chuyển lại, lúc chìm lúc nổi, sinh rồi lại chết, chết rồi lại sinh, tuần hoàn không ngừng. Cho nên nói chúng sinh ở thế giới Ta Bà kham chịu đựng những thứ khổ. Khổ có vô lượng, trong Du Già Sư Địa Luận có nói, có một trăm mười thứ khổ, sẽ phân tích dưới đây:

- Có một thứ khổ: Là khổ về nương tựa nghiệp khác biệt lưu chuyển. Hết thủy tất cả hữu tình chúng sinh, tùy theo nghiệp lực mà lưu chuyển, tự mình chẳng làm chủ được, trôi nổi ở trong biển nghiệp. Nghiệp thiện nhiều thì sinh về ba

đường lành, nghiệp ác nhiều thì sinh về ba đường ác. Bất cứ là ba đường lành, hoặc ba đường ác đều là khổ. Làm thế nào để dứt khổ? Thì phải tu hành, mới có thể liễu sinh thoát tử, ra khỏi ba cõi, đắc được sự an vui chân thật.

- Lại có hai thứ khổ: Một là dục khổ, hai là si khổ.

Dục khổ: Là các sự khổ về căn bản, ví như tham tiền tài, thì có tài dục, tham sắc thì có sắc dục, tham danh thì có danh dục, tham ăn thì có ăn dục, tham ngủ thì có ngủ dục, đó là năm dục. Do đó, có câu: "Tài sắc danh thực thụ. Địa ngục ngũ điều căn." Những thứ dục đó chi phối, làm cho bạn điên đảo, hồ đồ, chẳng lúc nào tỉnh táo. Có dục thì có ái, ví như ái về vật chất, ái về nam nữ. Vì dục này mà làm cho thiên hạ đại loạn. Nếu không đoạn dục, thì sẽ muốn uống rượu, muốn ăn thịt, muốn xe hơi, muốn nhà rộng, đều muốn tất cả vật chất hưởng thụ. Suốt ngày khởi vọng tưởng nằm mộng ban ngày; trong đầu óc luôn luôn nghĩ làm thế nào để thăng quan phát tài, làm thế nào để được vợ đẹp thiếp xinh? Đó đều là dục tác quái, vĩnh viễn chẳng ngừng nghĩ. Một khi người mà mình thương yêu, vật chất mà mình mến tiếc mất đi, thì trở thành sự khổ khó tả được. Cho nên Phật giáo để xướng đoạn dục khử ái, một bình bát, ba tấm y, ngày ăn một bữa, chẳng có tài sản của cải. Đời sống thanh tâm quả dục như thế, thì thật là thanh cao! Thật là tự tại! Do đó, người có trí tuệ, có căn lành, mới có thể xuất gia tu đạo.

Si khổ: Tức là khổ vì ngu si. Người ngu si thì chẳng rõ thị phi, chẳng màng thiện ác. Người ngu si chấp trước tất cả đều thuộc về sở hữu của mình, trong hoàn cảnh chẳng phân biệt trắng đen, thì có hành vi oán trời trách người.

Lại có ba thứ khổ đó là: Khổ khổ, hoại khổ và hành khổ, và tám thứ khổ: Khổ về sinh, khổ về già, khổ về bệnh, khổ về chết, khổ về ái biệt ly, khổ về oán tăng hội, khổ về cầu bất đắc, khổ về ngũ ấm xí thạnh. Ngoài ra còn có vô lượng thứ khổ.

2. Tập Thánh Đế: Tập nghĩa là tập tụ, tức là tập tụ phiền não lại với nhau, khiến cho bạn khởi hoặc, tạo nghiệp, thọ quả báo. Tuy phiền não là do tập tụ mà thành, song, chủ yếu là do tự tính chiêu lại. Ví như thân thể chẳng kiện toàn, mới sinh bệnh. Chỗ chẳng sạch mới sinh vi trùng. Do đó, có câu: Thối thối sinh trùng. Nếu rác rến trong tâm mà quét trừ sạch sẽ, thì chẳng khởi vọng tưởng, chẳng sinh phiền não. Khi tâm sáng như gương thì trí tuệ sẽ hiện tiền, chẳng làm việc điên đảo mộng tưởng.

3. Diệt Thánh Đế: Diệt tức là tịch diệt, đến được cảnh giới này thì: "Ngôn ngữ đạo đoạn, Tâm hành xứ diệt". Do đó: Miệng muốn nói mà lời chẳng còn, Tâm muốn duyên mà suy nghĩ đã bật. Tất cả đều chẳng còn nữa.

4. Đạo Thánh Đế: Đạo tức là con đường, con đường của bậc Thánh đi. Chúng ta phải tu đạo, tu đạo gì? Tu bát chính đạo, tu lục độ vạn hạnh, tu tám vạn bốn ngàn pháp môn. Bất cứ tu con đường nào, cuối cùng đều là bồ đề đại đạo.

Tại sao hiện tại thế giới bạo loạn? Vì ai ai cũng tranh mà chẳng nhường, mọi người đều có tư tưởng bạn tranh, tôi giành, chẳng nhường bộ. Bạn muốn làm đệ nhất, tôi thì muốn làm lãnh tụ, cùng nhau đoạt quyền. Do đó, mà dẫn đến thiên hạ đại loạn. Càng loạn càng muốn đoạt, càng đoạt càng loạn, đó là tướng điên đảo của chúng sinh. Chúng ta người tu đạo, phải có tư tưởng nhường mà chẳng tranh, đừng giống như người thế tục tranh dành lợi, tranh địa vị, tranh quyền thế, tranh tài sản.

Khổ Thánh Đế ở thế giới Ta Bà, có đủ thứ tên khác nhau. Bây giờ tóm tắt nói ra mười tên

- 1). Hoặc tên là tội: Có tội thì có khổ, chẳng có tội thì chẳng có khổ. Khổ đó giống như sự khổ thọ tội hình.
- 2). Hoặc tên là bức bách: Bức bách thân, bức bách tâm, khiến cho thân tâm phiền não, chẳng được giải thoát.
- 3). Hoặc tên là biến dị: Tức là biến hóa, từ tốt biến thành xấu, đó là khổ.
- 4). Hoặc tên là phan duyên: Tức là truy cầu khổ.
- 5). Hoặc tên là tụ: Tức là tụ tập tội nghiệp lại với nhau.
- 6). Hoặc tên là trái: Thống khổ giống như thân bị dao đâm.
- 7). Hoặc tên là y căn: Khổ vì y chiếu tội căn mà sinh.
- 8). Hoặc tên là hư dối: Vì khổ mà tạo nghiệp hư dối, vì hư dối mà chịu khổ báo.
- 9). Hoặc tên là ung thư xú: Ví như thân bị ung thư, sinh ghẻ lở loét chảy máu mủ, đó là khổ.
- 10). Hoặc tên là ngu phu hành: Phàm phu ngu si làm gì cũng đều là tội nghiệp, có tội thì có khổ. Đó là tên khác của mười thứ khổ, tuy tên khác nhau nhưng nghĩa lý giống nhau.

Khổ Tập Thánh Đế, ở thế giới Ta Bà cũng có đủ thứ tên khác nhau, nói tóm tắt cũng có mười tên

- 1). Hoặc tên là trói buộc: Phàm là bị tình trói, bị ái buộc đều là tập.

- 2). Hoặc tên là diệt hoại: Sự an vui mà tiêu diệt hết, sự khoái lạc mà phá hoại hết thì đương nhiên là khổ.
- 3). Hoặc tên là ái trước nghĩa: Ái mà chẳng xả bỏ, lại chấp trước nó, cho rằng là tốt.
- 4). Hoặc tên là vọng giác niệm: Tức là giác niệm lầm lẫn, giác ngộ sai lầm.
- 5). Hoặc tên là thú nhập: Nơi thú hưởng phiền não, giống như hãm ở trong bùn, chẳng rút hai chân ra được.
- 6). Hoặc tên là quyết định: Quyết định có phiền não, mà mình vẫn chẳng biết, chẳng giác ngộ.
- 7). Hoặc tên là vồng: Bị lưới bao vây chẳng được tự do. Đó giống như cá ở trong ao hồ sông biển, tiêu dao tự tại, bất hạnh bị mắc lưới, rất nguy hiểm cho tính mạng.
- 8). Hoặc tên là hí luận: Chẳng phải lời chân thật mà là lời tiêu.
- 9). Hoặc tên là tùy hành: Tức là tùy theo phiền não mà hành.
- 10). Hoặc tên là điên đảo căn: Tập là căn bản của điên đảo.

Khổ diệt Thánh Đế, ở thế giới Ta Bà này, có đủ thứ tên khác nhau, đại khái cử ra mười tên

- 1). Hoặc tên là vô tính: Tức là chẳng có tranh luận.
- 2). Hoặc tên là ly trần: Xa lìa tất cả trần lao.
- 3). Hoặc tên là tịch tĩnh: Lìa phiền não là tịch, hết khổ hoạn là tĩnh.
- 4). Hoặc tên là vô tướng: Chẳng có tất cả tướng, do đó: Quét sạch tất cả pháp lìa khỏi tất cả tướng’.
- 5). Hoặc tên là vô một: Chẳng có đọa lạc.
- 6). Hoặc tên là vô tự tính, tức là chẳng có tự tính.
- 7). Hoặc tên là vô chướng ngại: Chẳng có tất cả chướng ngại gì, chẳng có phiền não chướng, chẳng có sở tri chướng.
- 8). Hoặc tên là diệt: Diệt sạch tất cả phiền não.
- 9). Hoặc tên là thể chân thật: Tức là bốn thể chân thật.

10). Hoặc tên là trụ tự tính: Trụ nơi tự tính, vì bốn lai diệt.

Đạo Thánh Đế, ở thế giới Ta Bà này, có đủ thứ tên khác nhau, nói sơ lược thì có mười tên

1). Hoặc tên là nhất thừa: Tức là một thừa pháp, trong Kinh Pháp Hoa có nói: Duy nhất một Phật thừa. Chẳng có thừa nào khác.” Chỉ có Phật đạo, chứ chẳng có đạo tu hành nào khác.

2). Hoặc tên là thú tịch: Thú hướng cảnh giới tịch tĩnh.

3). Hoặc tên là đạo dẫn: Lãnh đạo dẫn chúng sinh đi đến vô phân biệt. Nếu đến được nơi cứu kính, thì chẳng còn phân biệt.

4). Hoặc tên là cứu kính vô phân biệt: Rốt ráo chẳng còn sự phân biệt.

5). Hoặc tên là bình đẳng: Chẳng có phân biệt cao thấp cạn sâu.

6). Hoặc tên là xả đảm: Xả bỏ tất cả mọi vật.

7). Hoặc tên là vô sở thú: Phải đi trên con đường chính đại quang minh.

8). Hoặc tên là tùy thánh ý: Phải tùy theo con đường của bậc Thánh nhân đi mà đi theo

9). Hoặc tên là tiên nhân hành: Con đường Tiên nhân hành tức là đạo Bồ Đề.

10). Hoặc tên là thập dụng: Tức là tín, giới, tàm, quý, văn, thí, tuệ, niệm, trì, biện, mười tạng.

5. Phẩm Quang Minh Giác

Tại sao lại có quang minh? Vì tu Bát Nhã, cho nên hiện ra quang minh. Giác là gì? Tức là giác ngộ. Chúng sinh thấy được quang minh bèn sinh tâm giác ngộ. Phẩm này là phẩm thứ chín trong Kinh Hoa Nghiêm, cho nên gọi là Phẩm Quang Minh Thứ Chín. Một núi Tu Di, một mặt trời, một mặt trăng, bốn đại châu, đó là một thế giới. Tích tụ một ngàn thế giới làm một tiểu thiên thế giới, tích tụ một ngàn tiểu thiên thế giới làm một trung thiên thế giới, tích tụ một ngàn trung thiên thế giới làm một đại thiên thế giới. Vì có ba ngàn cho nên gọi là ba ngàn đại thiên thế giới.

Giải thoát là gì? Tức là đắc được tự do thật sự, vô câu vô thúc, đến đi tự tại. Chúng ta tại sao chẳng tự do? Vì bị dây thừng vọng tưởng chấp trước trói chặt, cho nên hành động chẳng tự tại, chẳng được giải thoát.

Các lậu là gì? Tức là tập khí mao bệnh từ vô thủy đến nay. Ví như tham tiền tài tức là lậu tiền tài, tham sắc thì có lậu về sắc. Tham danh thì có lậu về danh, tham lợi thì có lậu về lợi. Lậu tức là chẳng viên mãn. Phàm là không hợp với quy cụ tức là các lậu. Có người trong tâm khởi vọng tưởng: “Ăn cơm cũng là lậu, mặc áo cũng là lậu, ngủ cũng là lậu. Vậy là gì không lậu? Ăn cơm là lậu, song, ai ai cũng phải ăn cơm, chẳng có người nào không ăn cơm. Ai ai cũng phải mặc quần áo, chẳng có người nào không mặc quần áo. Ai ai cũng phải ngủ, chẳng có người nào mà không ngủ. Những sự cơm, quần áo, ngủ, đều có lậu. Chúng ta phải nên vô lậu. Song, không ăn cơm thì sẽ chết đói. Không mặc quần áo thì sẽ chết lạnh. Không ngủ thì sẽ chết vì mất ngủ. Nếu nói ba thứ đó là lậu, thì tôi kiên quyết phản đối, không tán thành lời nói pháp nầy. Ai có thể không ăn cơm? Ai có thể không mặc quần áo? Ai có thể không ngủ? Song, đừng quá nhiều, cũng đừng quá ít, phải giữ trung đạo. Ví như ăn cơm, ăn no thì được, đừng khởi vọng tưởng, đừng đòi hỏi, đừng ăn hết phần người khác, đừng bỏ mứa. Mặc áo quần là để che lạnh, đủ ấm thì được, đừng có ngày nào cũng mặc quần áo mới, để cho người chú ý, làm cho người sinh tâm ghen tỵ, đừng ăn mặc để khoe khoang. Có tư tưởng như thế thì là lậu. Ngủ là để tiêu trừ bệnh mệt nhọc, ngủ nhiều cũng là lậu, ngủ ít cũng là lậu. Vừa đủ không nhiều không ít thì chẳng có lậu. Tóm lại, vui mừng cũng là lậu, nổi giận cũng là lậu, thương cũng là lậu, ghét cũng là lậu, thất tình cũng là lậu, lục dục cũng là lậu. Pháp thế gian là gì? Là pháp có hình có tướng.

Trong Kinh Kim Cang có nói: *‘Tất cả pháp hữu vi. Như mộng huyễn bọt nước. Như sương cũng như điện. Hãy quán sát như thế.’*

Pháp hữu vi tức là pháp thế gian, cũng giống như sương buổi sáng, mặt trời mọc lên thì tan mất. Nếu như có người đối với Phật và pháp, minh bạch bình đẳng, chẳng có sự khác biệt, Phật và pháp là một thể, thì người đó sẽ đạt được cảnh giới của Phật. Phật mà vô Phật, bốn lai tức là Phật. Đã thành Phật, thì không cần nương tựa pháp. Lúc đó, đến được trình độ: ‘Tu vô khả tu, chứng vô khả chứng’. Nghĩa là: Tu mà không tu, chứng mà không chứng. Trên quả vị vô tu vô chứng, có thể nói tức là chẳng có Phật, cũng chẳng có pháp. Nhưng khi phàm phu đang tu hành thì tuyệt đối không thể nói chẳng có Phật, chẳng có pháp. Cho nên, chưa đạt được trình độ tương đương, thì tuyệt đối không được nói chẳng có Phật, chẳng có pháp. Vì đã minh bạch Phật và pháp là bình đẳng, là một. Đến được trình độ đó, thì mới có thể nói chẳng cần gì hết. Nếu như Phật và pháp đều chẳng có, thì biến thành kẻ ngoại đạo không biết gì, ngoại đạo là chủ trương chẳng có gì hết. Hai niệm Phật và pháp không hiện tiền, chẳng có tâm phân biệt Phật và pháp, đạt được cảnh giới đó, thì sẽ bước lên quả vị không thể nghĩ bàn, tức cũng là Phật vị.

Năm uẩn

Năm uẩn tức là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Sắc tức là tất cả nhan sắc. Thọ tức là sự cảm thọ. Tưởng tức là vọng tưởng. Hành tức là hành động. Thức tức là tất cả sự phân biệt, phân biệt thiện ác, thị phi, trắng đen. Nếu chuyển được thức thành trí, thì sẽ thành tự. Nếu không chuyển thức được, dùng tâm phân biệt để phân biệt tất cả pháp, đó vẫn là thức đang tác quái! Sắc uẩn và thọ uẩn chẳng có tướng sai biệt, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn, cũng giống nhau, chẳng có tướng sai biệt. Nếu có người chính tri chính kiến, thì họ chẳng bị năm uẩn trói buộc, ngược lại chiếu soi năm uẩn đều không, sớm sẽ thành Phật. Nguyên nhân chúng ta không thành Phật, tức là không chiếu soi được năm uẩn đều không, ngày ngày chuyển ở trong năm uẩn.

Thấy thế gian và thấy xuất thế gian, tất cả đều siêu việt nhập xuất. Nếu khéo biết tất cả pháp, hành trì tất cả pháp, thì sẽ thành bậc Đại Quang Diệu, tức cũng là Phật. Lục Tổ Huệ Năng nói: *“Phật pháp tại thế gian/ Chẳng lìa thế gian giác/ Lìa thế cầu bồ đề/ Ví như tìm sừng thỏ.”* Phật pháp bao quát pháp thế gian, chẳng lìa khỏi thế gian mà giác ngộ. Nếu lìa khỏi pháp thế gian, riêng ngoài đi tìm pháp giác ngộ, thì là sai lầm. Giống như tìm sừng trên đầu con thỏ, chẳng bao giờ có.

Hồi hướng

1. Hồi tự hướng tha. 2. Hồi nhân hướng quả. 3. Hồi sự hướng lý. 4. Hồi tiểu hướng đại.

Giải thích sơ lược như sau:

1. Hồi tự hướng tha: Hồi công đức của mình bố thí cho pháp giới chúng sinh, vì chúng sinh mà hồi hướng. Như có trí tuệ thì phát nguyện đem trí tuệ của mình bố thí cho chúng sinh, khiến cho tất cả chúng sinh đắc được tất cả trí tuệ.
2. Hồi nhân hướng quả: Chúng ta tu hành tại nhân địa, thì tương lai mọi người đều đắc được quả vị Phật, hy vọng pháp giới chúng sinh đồng thành Phật đạo.
3. Hồi sự hướng lý: Hiện tại chúng ta tu hành tất cả các hạnh, nguyện ý, hồi hướng lý thể của chư Phật vô thượng tịch tĩnh.
4. Hồi tiểu hướng đại: Hiện tại tâm lượng của chúng ta rất nhỏ, tư tưởng nông cạn. Phải phát nguyện, phóng tâm lượng rộng lớn như pháp giới, khắp như hư không, bao la vạn tượng, chẳng có gì mà chẳng dung chứa được.

Hết thầy tất cả phiền não đều từ ái mà sinh ra. Chúng sinh vì chẳng có trí tuệ, cho nên bị ái độc làm hại. Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi đại bi tâm thiết chảy ra diệu vị cam lồ và đề hồ vô thượng, dùng trực tâm trí tuệ để khai thị tất cả chúng sinh. Tại sao chúng ta điên đảo? Tại sao lại hồ đồ? Vì vô minh quá nặng. Có vô minh thì sinh hành, có hành thì có thức, có thức thì có danh sắc, có danh sắc thì có lục nhập, có lục nhập thì có xúc, có xúc thì có thọ, có thọ thì có ái, có ái thì có thủ, có thủ thì phải vì sở hữu của mình, chuyển mà có sinh, có già, có chết. Đây là đạo lý mười hai nhân duyên cùng nhau sinh khởi. Vì chúng sinh chẳng có trí tuệ, nên bị ái độc làm thương hại.

Mười phương ba đời tất cả chư Phật, đều thấu rõ các pháp như huyễn như hóa, chẳng có thật thể. Tất cả các pháp là đối trị các bệnh của chúng sinh. Nếu chúng sinh chẳng có bệnh, thì pháp cũng chẳng cần. Pháp ví như thuốc, vì chúng sinh có bệnh phiền não tham sân si, cho nên phải uống thuốc giới định tuệ, khi bệnh hết rồi thì chẳng cần uống thuốc nữa. Chư Phật minh bạch đạo lý các pháp chẳng không chẳng có, cho nên mới thông đạt được chẳng có chướng ngại. Người có trí tuệ mới thông đạt được, người ngu si mới chướng ngại. Người có trí tuệ, nếu chẳng minh bạch các pháp như huyễn, thì có sự chấp trước, tức cũng là pháp chấp. Nếu chẳng minh bạch đạo lý vô chướng ngại, thì cũng có chướng ngại về chấp trước, tức cũng là mê hoặc chấp trước. Trí tuệ chấp trước là minh bạch chấp trước; mê hoặc chấp trước là hồ đồ chấp trước. Người minh bạch có minh bạch chấp trước, người hồ đồ có hồ đồ chấp trước. Tóm lại, đều có sự chấp trước. Nếu chẳng có chấp trước thì sẽ có biện pháp. Biện pháp gì? Có thể hồi quang phản chiếu, cầu trở lại chính mình, chuyển cảnh giới bỏ giác hợp trần, thành cảnh giới bỏ trần hợp giác. Trong tâm thanh tịnh thì lìa khỏi được chấp trước, cũng lìa khỏi được mê chấp trước, cũng chẳng có pháp chấp, cũng chẳng có ngã chấp, lìa khỏi mọi chấp trước. Phật có nói: *“Tất cả chúng sinh đều có trí tuệ đức tướng của Như Lai, nhưng vì vọng tưởng chấp trước, nên không chứng đắc.”*

Ba đức - Ba lượng

Nếu trong tâm chẳng còn vô minh, thì sẽ thanh tịnh chẳng có ô nhiễm. Thanh tịnh rồi thì tự nhiên sẽ lìa khỏi tất cả vọng tưởng chấp trước. Phật đầy đủ ba đức:

1. Trí đức: Phá trừ được vô minh, đắc được Bát Nhã.
2. Đoạn đức: Đoạn trừ được phiền não, đắc được Niết Bàn.

3. Ân đức: Hay cứu độ chúng sinh mà được an lạc. Ba đức này viên mãn rồi, cho nên Phật mới điều phục được tất cả chúng sinh trong pháp giới.

Lượng ở trong nhân minh học có ba thứ:

1. Hiện lượng, tức là sự hiểu biết hiện tại để cân lường nó.
2. Tỷ lượng, dùng đạo lý để so sánh thì tự nhiên sẽ minh bạch. Ví như cách núi có khói thì biết là có lửa; cách tường có sừng thì biết là có bò.
3. Thánh ngôn lượng: Kinh luật luận có ngôn luận của Thánh nhân, dùng để suy lường đạo lý của ngoại đạo nói, thì biết là tà tri tà kiến.

6. "Sáu tức Phật"

Nếu muốn tìm chỗ không đúng trong ba lượng thì không thể được, cũng chẳng cách chi tìm được. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói, có 52 hạnh vị của Bồ Tát, tức là Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác. Song, tông Thiên Thai cho rằng là hạnh vị của biệt giáo Bồ Tát, chứ không phải là hạnh vị của viên giáo Bồ Tát. Các Ngài lập ra hạnh vị của Bồ Tát, tức là sáu tức vị, tức cũng là sáu tức Phật.

1. Lý tức Phật: Nói theo lý thì ai ai cũng đều là Phật. Tại sao chúng ta chẳng thành Phật? Vì chấp trước trên sự tướng, có ngã chấp, có pháp chấp, cho nên chưa thành Phật. Có bài kệ nói rằng:

*"Động tĩnh lý toàn thị
Hành tạng sự cách phi
Minh minh tùy vật khứ
Miếu miếu bất tri quy."*

Động tĩnh tức là đi đứng nằm ngồi. Nếu minh bạch đạo lý động tĩnh thì đều là đúng. Nếu chẳng minh bạch đạo lý thì đều là sai, Lúc đó, động cũng chẳng đúng, tĩnh cũng chẳng đúng. Hành là đi lại, tạng là thu vào, nghĩa cũng là động tĩnh. Nói theo sự tướng thì không đúng. Vì lý thì đúng, cho nên sự là sai. Minh minh nghĩa là chẳng biết chẳng hiểu, sai là ở trong sự không biết không hiểu, chạy loạn theo vật dục, chẳng giữ bốn phận. Miếu miếu là hồ đồ. Sai ở trong sự hồ đồ, chẳng biết trở về, trôi nổi quên về. Nghĩa là nói tự tính của chúng ta vốn giống như Phật, nhưng rơi vào pháp hữu vi, cho nên hiện là chúng sinh. Pháp hữu vi là sự, pháp vô vi là lý, nên hồi sự hướng lý.

2. Danh từ tức Phật: Hiện tại nghe được danh từ của Phật, biết chúng sinh và Phật đều là bình đẳng, bất quá Phật là Phật đã thành, chúng sinh là Phật chưa

thành. Nhưng có danh từ Phật, chúng ta nghe được danh từ mười phương chư Phật, mới nói bài kệ dưới đây:

*"Phương thính vô thanh khúc
Thử văn bất tử ca
Kim tri đương thể sự
Phản hận tự tha đà."*

Nghĩa là vừa mới nghe được ca khúc chẳng có tiếng, bây giờ lại nghe được bài ca bất tử, đến hôm nay mới biết tu hành, thì tương lai có thể sẽ thành Phật. Lập tức bỏ mê về giác, phát bồ đề tâm, đây là con đường thành Phật. Phải hồi quang phản chiếu, mình đã để thời gian trôi qua lãng phí, thật là đáng tiếc.

3. Quán hành tức Phật: Quán hành tức là quán sát sở tu hành tất cả các pháp thật tướng. Dùng sức quán chiếu để tu hành, thì mới có thể thành Phật. Có bài kệ rằng: "Niệm niệm chiếu thường lý/ Tâm tâm tứ huyễn trần/ Biến quán các pháp tính/ Vô tích diệt vô chân."

Nghĩa là niệm niệm luôn luôn chuyên nhất, dùng niệm để quán chiếu. Chuyên nhất là gì? Chuyên nhất quán chiếu lý chân thường. Tâm tâm niệm niệm đều trừ sạch vọng tưởng, tiêu trừ hư huyễn trần cấu. Lúc đó, chân tâm sẽ hiện ra. Tại sao chúng ta chẳng khế hợp với chân tâm vốn có? Vì cứ khởi vọng tưởng, vọng tưởng nhiều cho nên mộng, huyễn, bọt, ảnh, sương, điện, sáu thứ đó đều hiện ra. Cho nên phải dứt huyễn trần, khắp quán sát các pháp thật tướng, là khỏi những thứ giả dối đó. Có chân thì có giả, có giả thì có chân. Vô giả vô chân thì đến được cảnh giới không tịch, cho nên thấy tất cả các pháp đều là không tịch.

4. Tương tự tức Phật: Tương tự tức là có chút tin tức muốn thành Phật, nhưng chưa thành Phật, chỉ là tương tự. Tương tự lại giống như đập sắt, tuy chưa thành đồ dùng, nhưng bản thân nó là nóng, có độ nóng thì sẽ có cơ hội thành đồ dùng. Có bài kệ rằng:

*"Bốn trụ tuy ngã trước
Sáu trần chưa sạch không
Trong mắt vì có màng
Trông không thấy hoa hồng."*

Bốn trụ tức là dục giới, sắc giới, vô sắc giới, kiến tư hoặc, trụ ở tại mê hoặc. Ngã tức là chẳng có chương ngại. Tuy nhiên phá cửa ải mà thông qua, nhưng sáu trần chưa có sạch không. Giống như con mắt có mao bệnh, thấy không có hoa vàng, hoặc hoa đỏ. Cảnh giới này vẫn chưa cứu kính, bất quá là đắc được chút tin tức tốt mà thôi, vẫn chưa đạt đến chỗ cùng cực.

5. Phần chứng tức Phật: Phần chứng tức là phá phần vô minh, thì chứng phần pháp thân. Tức cũng là phá phần vô minh 41 phẩm, mà thấy phần pháp tính, chứng được 41 quả vị Bồ Tát.

6. Cứu kính tức Phật: Tức là chân chính thành Phật, tức cũng là phá được bốn mươi hai phẩm vô minh, đến được địa vị Diệu Giác, chứng được trí tuệ viên mãn cứu kính. Có bài kệ rằng:

*“Xưa nay thật là vọng
Hôm nay vọng là thật.”*

Từ vô thi đến bây giờ, bỏ thật theo giả, bỏ giác hợp trần, từ thật khởi vọng. Do đó: ‘Một niệm không giác sinh tam tế, Trước trụ cảnh giới lớn lục thô.’ Hiện tại mới biết vọng là thật, trở về nguồn cội, biết mê về với giác ngộ, bỏ trần hợp giác, trở về địa vị vốn có. Cho nên vọng cũng là thật, trở về với Phật tính tự có. Chẳng có pháp đặc biệt xảo diệu, tự tính vốn đầy đủ Phật tính, tất cả thành tựu Phật vốn có của mình, chứ chẳng phải Phật từ bên ngoài đến. Kiến hoặc là đối cảnh khởi tham ái. Thấy cảnh giới liền sinh tâm tham và tâm ái. Một khi thấy cảnh giới thì chẳng minh bạch, bị sở thấy mê hoặc. Thấy tức là mắt thấy, đều là cảnh giới bên ngoài.

Tư hoặc tức là mê lý khởi phân biệt, tức cũng là hoặc trong tư tưởng. Trong tâm suy nghĩ tỉ mỉ, suy nghĩ gì? Suy nghĩ đạo lý, càng nghĩ càng không minh bạch, càng không minh bạch, càng suy nghĩ, nghĩ đến đầu hôn não mê, cơm không ăn, trà không uống, quên hết tất cả. Mê nơi đạo lý thì sinh phân biệt. Đây là đúng hay không đúng? Đây là đen hay trắng? Thị phi chẳng rõ, thiện ác chẳng biết mà nhập vào tam muội mê hoặc. Đây chẳng phải là chính định. Dùng tâm vọng để suy nghĩ, cho nên bị mê. Người tu đạo nếu đoạn được tam giới 88 phẩm khiến hoặc, thì chứng được sơ quả A La Hán. Nếu đoạn được dục giới 6 phẩm tư hoặc trước, thì chứng được nhị quả A La Hán. Nếu đoạn được dục giới 3 phẩm tư hoặc sau, thì chứng được tam quả A La Hán. Nếu đoạn sạch tam giới 81 phẩm tư hoặc, thì chứng được tứ quả A La Hán.

Phật luôn luôn quán sát tướng tịch diệt. Tướng này chỉ có một, tuyệt đối chẳng có hai. Tâm của Phật không tăng không giảm. Tuy không tăng không giảm, nhưng ở trong cảnh giới tịch diệt, Phật vẫn hiện ra vô lượng thần lực để giáo hóa chúng sinh, khiến cho họ phát tâm bồ đề. Người học Phật tu đạo, nếu không phát tâm bồ đề, thì không thể đắc được quả vị vô thượng. Giống như cây nở hoa mà chẳng kết trái thật, chẳng có ích lợi gì cả. Chúng sinh có đủ thứ nhân duyên, có đủ thứ hành vi, tạo nghiệp thọ báo. Hết thấy tất cả chúng sinh ở trong luân hồi, sinh rồi lại chết, chết rồi lại sinh, trôi đi trôi lại, mới trôi đến mười phương thế giới. Phật chẳng có phân biệt, chẳng phải nói chúng sinh ở phương

này ta giáo hóa, còn chúng sinh phương khác ta chẳng độ. Phật chẳng có tâm phân biệt như vậy, bất cứ là chúng sinh có duyên hay vô duyên, Phật đều xem như nhau, chẳng phân biệt đó đây, đều dùng pháp môn phương tiện để độ vô biên loài chúng sinh, khiến cho họ lìa khổ được vui.

Chỉ cần có chí nguyện, thì tương lai nhất định sẽ thành tựu. Công đức Phật là gì? Tức là tự giác giác tha, tự lợi lợi tha, tự độ độ tha. Tự giác viên mãn thì có trí tuệ. Giác tha viên mãn thì có công đức. Mình đắc được lợi ích của pháp, thì cũng dạy người đắc được lợi ích của pháp, tức cũng là giảng kinh thuyết pháp. Mình đắc được giải thoát, thì cũng dạy người đắc được giải thoát, đây là công đức Phật. Chí của chúng ta tại công đức tu hành của Phật Bồ Tát, thì phải y chiếu hạnh môn tu hành của Phật Bồ Tát tu trong quá khứ, mới có thể thành tựu công đức của Phật Bồ Tát. Điều kiện căn bản học Phật pháp tức là, tâm vĩnh viễn không thối chuyển, phải có tinh thần kiên nhẫn, dũng mãnh hướng về trước, dù bất cứ giá nào cũng không lùi bước. Như thế thì mới trụ ở tuệ thanh lương, chẳng có nhiệt phiền não. Do đó, có câu:

*"Phi lễ vật thị
Phi lễ vật thính
Phi lễ vật ngôn
Phi lễ vật động."*

Việc chẳng hợp với lễ nghĩa thì đừng phan duyên, thiện nghiệp như vậy, hãy nên làm. Bốn đại oai nghi đi đứng nằm ngồi, đều phải giữ quy cụ, không thể mất oai nghi. Do đó, có câu:

*"Hành như phong
Tọa như chung
Lập như tùng
Ngọa như cung."*

Trong bốn đại oai nghi thường nhớ công đức Phật, ngày đêm sáu thời không thể gián đoạn, hạnh nghiệp như vậy, hãy nên làm. Công đức của Phật phải tin lâu dài, phải ưa thích lâu dài. Nếu muốn biết công đức Phật thì chẳng phải là việc dễ dàng. Trong kinh này có nói: *"Tâm niệm nhiều như hạt bụi. Cõi nước có thể đếm biết được. Nước trong biển cả uống hết được. Hư không lường được, gió buộc được. Không thể nói hết công đức Phật."* Việc không thể, đều có thể làm được, nhưng không thể biết được công đức của Phật có bao nhiêu.

Lời kết

Bộ Luận Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật được giảng giải bởi Hòa thượng Tuyên Hóa, Việt dịch Tỳ Kheo Thích Minh Định, gồm có 25 quyển. Bài viết này là những ý chính, cô đọng nhất của quyển 07.

Phạm Tuấn Minh

Tài liệu: Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật, Hòa thượng Tuyên Hóa, Hán dịch: Sa môn Thật Xoa Nan Đà, Việt dịch Tỳ Kheo Thích Minh Định, Chùa Kim Quang.